

**BÁO CÁO**  
**Tình hình phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại**  
**trên địa bàn xã Thăng Bình**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.

Thực hiện Công văn số 5375/SKH-CN-CNTT ngày 06/8/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc triển khai công tác chuẩn bị tổ chức Hội thảo chuyển đổi số thúc đẩy tăng trưởng hai con số trong phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại. UBND xã Thăng Bình báo cáo cụ thể như sau:

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH**

Xã Thăng Bình hiện có 21 thôn, diện tích tự nhiên 68,91 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 54.114 người; tổng diện tích đất tự nhiên 6.891,17 ha, trong đó đất nông nghiệp 4.495,5 ha, đất phi nông nghiệp 2.196,9 ha và đất chưa sử dụng 198,87 ha. Thăng Bình là địa phương có điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp, kinh tế vườn và kinh tế trang trại. Trong thời gian qua, UBND xã đã quan tâm chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, từng bước chuyển đổi phương thức sản xuất, khuyến khích người dân phát huy lợi thế về đất đai, lao động và điều kiện tự nhiên để hình thành các mô hình sản xuất hàng hóa.

Kinh tế vườn, kinh tế trang trại bước đầu góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và mở ra hướng phát triển gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ và du lịch nông nghiệp, nông thôn.

Tuy nhiên, quy mô sản xuất trên địa bàn nhìn chung còn chưa đồng đều; việc tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Đây là những nội dung cần được tập trung tháo gỡ trong thời gian tới.

**II. THỰC TRẠNG VÀ THẾ MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VƯỜN, KINH TẾ TRANG TRẠI**

**1. Kết quả đạt được**

UBND xã đã từng bước tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi phương thức sản xuất, khai thác hiệu quả diện tích đất vườn và đất sản xuất; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Một số hộ dân đã chủ động đầu tư, cải tạo vườn, mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm. Một số mô hình có khả năng phát triển thành mô hình kinh tế vườn, trang trại hàng hóa nếu được hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, công nghệ, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ.

Kinh tế vườn, kinh tế trang trại đã góp phần tận dụng nguồn lực đất đai, lao động tại chỗ; tạo sinh kế và từng bước nâng cao thu nhập cho người dân.

## **2. Thế mạnh và tiềm năng**

Về đất đai và không gian sản xuất: Xã có quỹ đất sản xuất nông nghiệp và không gian sản xuất tương đối phù hợp để phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại theo hướng tập trung, nâng cao giá trị và hiệu quả sử dụng đất.

Về nguồn nhân lực và kinh nghiệm sản xuất: Người dân có truyền thống, kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, có khả năng tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất khi được hướng dẫn, hỗ trợ phù hợp.

Về khả năng hình thành vùng sản xuất: Có điều kiện để rà soát, lựa chọn các khu vực có lợi thế, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung đối với một số sản phẩm phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu và nhu cầu thị trường; qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng và sản lượng hàng hóa.

Về phát triển sản phẩm đặc trưng: Có tiềm năng lựa chọn, phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của địa phương gắn với xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị sản phẩm và từng bước đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn hóa sản phẩm.

Về kết hợp nông nghiệp với du lịch: Có khả năng khai thác các mô hình vườn, trang trại, cảnh quan nông nghiệp để kết hợp sản xuất với trải nghiệm, tham quan, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp. Đây là hướng có thể nghiên cứu triển khai đối với những mô hình có điều kiện phù hợp, gắn với đầu tư hạ tầng và liên kết với các đơn vị lữ hành.

Về chuyển đổi số: Có dư địa để đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý sản xuất, theo dõi mùa vụ, xây dựng nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm, kết nối thị trường và tiêu thụ nông sản. Việc lựa chọn giải pháp cần bảo đảm phù hợp với quy mô sản xuất và khả năng tiếp cận, sử dụng của người dân.

## **III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐIỂM NGHÈN**

Qua thực tế triển khai, UBND xã nhận thấy một số khó khăn, điểm nghẽn chủ yếu như sau:

### **1. Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán**

Sản xuất kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn chủ yếu vẫn được thực hiện ở quy mô hộ gia đình, diện tích và quy mô đầu tư chưa đồng đều. Việc liên kết giữa các hộ sản xuất với tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp chưa chặt chẽ, chưa hình thành được nhiều chuỗi liên kết ổn định từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, khả năng hình thành vùng nguyên liệu tập trung, có sản lượng lớn, đồng nhất về quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm còn hạn chế.

### **2. Khó khăn về nguồn lực đầu tư**

Các hộ sản xuất có nhu cầu đầu tư cải tạo, mở rộng quy mô, xây dựng hệ thống tưới, cơ sở sơ chế, bảo quản, đầu tư thiết bị và ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất. Tuy nhiên, khả năng tích lũy và huy động vốn của hộ dân còn hạn chế; trong khi

chi phí đầu tư ban đầu cho một số mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ tương đối cao, thời gian thu hồi vốn dài, nên chưa tạo được động lực mạnh để người dân đầu tư mở rộng.

### **3. Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế**

Việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất chưa đồng đều giữa các mô hình. Các giải pháp số phục vụ quản lý sản xuất, theo dõi mùa vụ, ghi chép nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm, dự báo và tiếp cận thông tin thị trường chưa được triển khai rộng rãi.

Một bộ phận hộ sản xuất còn hạn chế về kỹ năng số, khả năng tiếp cận và sử dụng các nền tảng, công cụ số; đồng thời chưa có nhiều mô hình chuyển đổi số cụ thể, dễ áp dụng và phù hợp với điều kiện sản xuất quy mô hộ gia đình để người dân học tập, nhân rộng.

### **4. Hạn chế trong sơ chế, bảo quản và nâng cao giá trị sản phẩm**

Cơ sở vật chất phục vụ sơ chế, phân loại, đóng gói và bảo quản nông sản sau thu hoạch còn hạn chế. Việc tổ chức sản xuất theo quy trình thống nhất, tiêu chuẩn hóa sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu, bao bì, truy xuất nguồn gốc và quảng bá sản phẩm chưa được thực hiện đồng bộ.

Sản phẩm nông nghiệp vì vậy chủ yếu vẫn tiêu thụ ở dạng sản phẩm thô hoặc qua các kênh truyền thống, giá trị gia tăng chưa cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế.

### **5. Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa bền vững**

Mối liên kết giữa người sản xuất với hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị thu mua, phân phối và các kênh tiêu thụ hiện đại chưa ổn định. Việc ký kết hợp đồng bao tiêu, xây dựng chuỗi giá trị và duy trì thị trường đầu ra còn gặp khó khăn.

Công tác cập nhật, phân tích thông tin về nhu cầu thị trường, giá cả, xu hướng tiêu dùng để làm cơ sở định hướng sản xuất còn hạn chế; tình trạng sản xuất theo kinh nghiệm, chưa gắn chặt với nhu cầu thị trường vẫn còn xảy ra.

### **6. Hạn chế về nguồn nhân lực**

Nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý mô hình sản xuất, kinh doanh nông sản và khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số còn thiếu. Đối với một số hộ sản xuất, việc tiếp cận các quy trình kỹ thuật mới và công cụ số còn gặp khó khăn.

Do đó, nhu cầu đào tạo, tập huấn và hướng dẫn thực hành trực tiếp là rất cần thiết, nhất là các nội dung về kỹ thuật sản xuất, quản lý trang trại, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm và ứng dụng các nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh.

### **7. Điểm nghẽn trong tổ chức sản xuất và chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa**

Điểm nghẽn lớn hiện nay là quy mô sản xuất còn phân tán, mức độ liên kết giữa các chủ thể chưa cao, trong khi việc đầu tư đồng bộ từ sản xuất, sơ chế, bảo quản, xây dựng thương hiệu đến tiêu thụ đòi hỏi nguồn lực và phương thức tổ chức mới.

Việc thúc đẩy kinh tế vườn, kinh tế trang trại theo hướng tăng trưởng cao vì vậy cần có sự tham gia đồng bộ của người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước; đồng thời cần lựa chọn một số mô hình có tiềm năng để tập trung hỗ trợ, tạo mô hình điểm, sau đó đánh giá và nhân rộng.

#### **8. Điểm nghẽn về dữ liệu và kết nối thị trường**

Thông tin về hộ sản xuất, diện tích, sản lượng, sản phẩm, mùa vụ và nhu cầu tiêu thụ chưa được số hóa, cập nhật và khai thác đồng bộ. Điều này gây khó khăn cho việc quản lý, dự báo sản lượng, kết nối cung - cầu và giới thiệu sản phẩm với doanh nghiệp, đơn vị phân phối.

Đây là nội dung cần ưu tiên giải quyết thông qua xây dựng cơ sở dữ liệu về kinh tế vườn, kinh tế trang trại và từng bước hình thành hệ sinh thái số phục vụ sản xuất, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã.

### **IV. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **1. Phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại theo hướng hàng hóa**

Rà soát, lựa chọn các sản phẩm có lợi thế để tập trung hỗ trợ phát triển; khuyến khích cải tạo vườn tạp, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, phù hợp với điều kiện thực tế.

#### **2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ**

Khuyến khích áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong giống, chăm sóc, tưới tiêu, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, sơ chế và bảo quản; ưu tiên các công nghệ có chi phí phù hợp, dễ vận hành và có khả năng nhân rộng.

#### **3. Thúc đẩy chuyển đổi số**

- Số hóa thông tin các mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại: Rà soát, thống kê và số hóa thông tin các mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn, từng bước hình thành dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi và hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ sản xuất và sản phẩm: Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về hộ sản xuất, chủ trang trại, diện tích, sản phẩm, sản lượng và thời vụ sản xuất; qua đó hỗ trợ công tác quản lý, thống kê, kết nối cung - cầu và định hướng phát triển sản phẩm.

- Ứng dụng nhật ký sản xuất điện tử: Khuyến khích, hỗ trợ các hộ sản xuất, trang trại ứng dụng nhật ký sản xuất điện tử để ghi chép, theo dõi quá trình sản xuất, chăm sóc, sử dụng vật tư, thu hoạch và sản lượng; từng bước nâng cao tính minh bạch và khả năng kiểm soát chất lượng sản phẩm.

- Truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng mã QR: Hỗ trợ các mô hình, sản phẩm có đủ điều kiện thực hiện truy xuất nguồn gốc bằng mã QR, cung cấp thông tin về cơ sở sản xuất, sản phẩm và quá trình sản xuất; góp phần nâng cao niềm tin của người tiêu dùng và giá trị sản phẩm.

- Xây dựng và quản lý thông tin, hình ảnh sản phẩm trên môi trường số: Từng bước xây dựng bộ thông tin và hình ảnh số đối với các sản phẩm nông nghiệp của địa phương, bao gồm thông tin về sản phẩm, cơ sở sản xuất, quy trình sản xuất, sản lượng, thời vụ và thông tin liên hệ, phục vụ quảng bá và kết nối thị trường.

- Đẩy mạnh quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng số: Hỗ trợ hộ sản xuất, hợp tác xã và chủ trang trại quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm thông qua các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội và các kênh bán hàng trực tuyến phù hợp; từng bước nâng cao kỹ năng bán hàng, quảng bá và tiếp cận khách hàng trên môi trường số.

- Ứng dụng công nghệ kết nối sản xuất với thị trường: Tăng cường ứng dụng các nền tảng số để kết nối người sản xuất với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phân phối và người tiêu dùng; tạo điều kiện trao đổi thông tin về sản phẩm, sản lượng, thời vụ, nhu cầu và thị trường tiêu thụ.

- Đề xuất xây dựng mô hình chuyên đổi số điểm: Đề nghị lựa chọn một số mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại tiêu biểu, có sản phẩm và điều kiện phù hợp để triển khai thí điểm đồng bộ các giải pháp nêu trên; trên cơ sở kết quả thực hiện, đánh giá hiệu quả, hoàn thiện giải pháp và từng bước nhân rộng trên địa bàn xã.

Các giải pháp chuyển đổi số cần bảo đảm thiết thực, dễ áp dụng, phù hợp với điều kiện sản xuất của người dân, ưu tiên những nội dung trực tiếp hỗ trợ nâng cao chất lượng, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, tránh đầu tư dàn trải, hình thức.

#### **4. Phát triển sản phẩm gắn với du lịch nông nghiệp, nông thôn**

Khảo sát, lựa chọn các mô hình vườn, trang trại có cảnh quan và sản phẩm phù hợp để xây dựng điểm trải nghiệm; từng bước liên kết với các đơn vị lữ hành nhằm hình thành sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp.

#### **5. Tăng cường liên kết**

Khuyến khích hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã; tăng cường liên kết giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp; xây dựng chuỗi sản xuất, sơ chế, tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị và tính ổn định của sản phẩm.

### **V. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NỘI DUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ ƯU TIÊN**

UBND xã Thăng Bình đề xuất nghiên cứu hỗ trợ triển khai mô hình “Số hóa kinh tế vườn, kinh tế trang trại xã Thăng Bình”, tập trung vào các nội dung:

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về các hộ, mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại.
2. Số hóa thông tin về sản phẩm chủ lực, vùng sản xuất và mùa vụ.
3. Hỗ trợ xây dựng nhật ký sản xuất điện tử cho các mô hình tiêu biểu.
4. Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc và mã QR cho sản phẩm đủ điều kiện.
5. Xây dựng trang/không gian giới thiệu sản phẩm nông nghiệp của địa phương trên môi trường số.
6. Hỗ trợ kết nối các hộ sản xuất với doanh nghiệp, hợp tác xã, sàn thương mại điện tử và hệ thống phân phối.
7. Tập huấn kỹ năng số cho hộ sản xuất, chủ trang trại và lực lượng hỗ trợ tại cơ sở.
8. Thí điểm ứng dụng một số thiết bị cảm biến, tưới tự động hoặc các giải pháp giám sát phù hợp đối với mô hình có điều kiện.

### **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế vườn, kinh tế trang trại phát triển theo hướng hiện đại, bền vững và có khả năng tăng trưởng cao, UBND xã Thăng Bình kính đề nghị:

### **1. Đối với UBND thành phố**

Quan tâm bố trí nguồn lực và có cơ chế hỗ trợ các địa phương trong đầu tư hạ tầng, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm nông nghiệp.

### **2. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ**

Hỗ trợ tư vấn, lựa chọn giải pháp chuyển đổi số phù hợp với quy mô và điều kiện của địa phương.

Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm về số hóa kinh tế vườn, kinh tế trang trại.

Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho cán bộ cơ sở và người sản xuất.

Kết nối doanh nghiệp công nghệ số với địa phương để triển khai các giải pháp có tính thực tiễn, dễ sử dụng và có khả năng nhân rộng.

### **3. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn địa phương và người dân trong việc rà soát, lựa chọn sản phẩm có lợi thế; xây dựng vùng sản xuất, vùng nguyên liệu phù hợp; hướng dẫn quy trình sản xuất an toàn, tiêu chuẩn chất lượng và các điều kiện cần thiết để nâng cao giá trị sản phẩm.

Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, sơ chế, bảo quản; hướng dẫn xây dựng, phát triển sản phẩm nông nghiệp đặc trưng; hỗ trợ kết nối giữa người sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp để hình thành chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ ổn định, bền vững.

Đồng thời, quan tâm hỗ trợ địa phương trong việc lựa chọn các mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại có tiềm năng để xây dựng mô hình điểm, ứng dụng khoa học kỹ thuật và từng bước nhân rộng.

### **4. Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm khảo sát, đánh giá tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng gắn với các mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại và sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Hỗ trợ tư vấn xây dựng các điểm tham quan, trải nghiệm phù hợp; hướng dẫn xây dựng sản phẩm, tuyến, tour du lịch gắn với nhà vườn, trang trại; hỗ trợ quảng bá và kết nối với các doanh nghiệp lữ hành nhằm từng bước hình thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp có khả năng thu hút khách và tạo thêm nguồn thu cho người dân.

### **5. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan**

Đề nghị các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức liên quan tăng cường liên kết với các hộ sản xuất, chủ trang trại trong đầu tư, chuyển giao khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ; hỗ trợ xây dựng quy trình sản xuất, tiêu chuẩn hóa, sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm.

Tăng cường liên kết bao tiêu, tiêu thụ sản phẩm; phối hợp xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm trên môi trường số và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, cung cấp các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương, nhất là các giải pháp về quản lý sản xuất, nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm và kết nối cung - cầu.

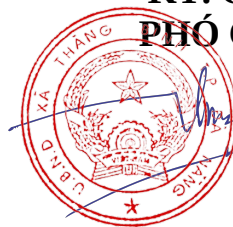
Đề nghị ưu tiên xây dựng các mô hình liên kết có tính ổn định, lâu dài và có khả năng nhân rộng, trong đó người sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp cùng tham gia từ khâu sản xuất đến chế biến, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là Báo cáo Tình hình phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn xã Thăng Bình. Kính báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố theo dõi, chỉ đạo trong thời gian đến ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Vinh**